

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 7 – 2020
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp 3, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 3, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Huỳnh Thị Ngọc M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/9/2002. Trong thời gian chung sống, chị M và anh L xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi do anh L thường xuyên uống rượu, chửi mắng chị M và gia đình của chị, Bên cạnh đó, anh L không phụ giúp chị để lo cho gia đình và các con. Chị M đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị M có nộp đơn ly hôn tại Tòa

án nhân dân huyện C, nhưng do Tòa án động viên hàn gắn và còn thương con nên chị M đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay anh L vẫn không sửa đổi mà còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999 (đã chết); Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/5/2004; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/3/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 29/10/2013. Hiện các con chung đang sống cùng chị M và anh L. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Tấn Ph, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Huỳnh Thị Ngọc M (Photo);
- 01 Sổ hộ khẩu (Photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Văn Đ (Bản sao);
- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Ngọc D (Bản sao);
- 01 Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Thanh T (Bản sao);
- 01 Trích lục khai sinh tên Nguyễn Tấn Ph (Bản sao);
- 01 Xác nhận nơi cư trú ngày 10/3/2020 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Huỳnh Thị Ngọc M có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh L sống chung với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/9/2002, do đó hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn với nhau do anh L thường xuyên uống rượu, có lời nói xúc phạm đến chị M và gia đình của chị. Bên cạnh đó, anh L không phụ giúp chị về kinh tế để lo cho gia đình và các con. Chị M có nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, nhưng do Tòa án động viên hàn gắn và còn thương con nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, anh L vẫn không sửa đổi mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên ngăn.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Văn L tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến hay biện pháp nào để hàn gắn tình cảm đối với yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc M. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh L là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999 (đã chết); Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/5/2004; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/3/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 29/10/2013. Hiện các con chung đang sống cùng chị M và anh L. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Tấn Ph, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Theo bản tự khai ngày 04/6/2020 của cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/5/2004 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/3/2008 có nguyện vọng được sống với chị M. Tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 quy định: “...nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Đối với con chung Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 29/10/2013 chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Do anh L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày. Vì vậy, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Ngọc D, Thanh T và Tấn Ph, cần tiếp tục giao cháu Ngọc D, Thanh T và Tấn Ph cho chị M trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc M trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có, anh L không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ngọc M.

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 01/5/2004; Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/3/2008 và Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 29/10/2013.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc M trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nợ chung không có, anh L không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009780 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh